

Quảng Bình, ngày ... tháng ... năm 2019

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Thực hành giảng dạy bộ môn vật lý  
(*Tên tiếng Anh: Instructional skills development*)
- Mã số học phần:
- Số tín chỉ: 03.  
Số giờ tín chỉ: 45 tiết (*trong đó: lý thuyết: 10, thực hành: 32, bài tập: 0, thảo luận: 03*)
- Ngành học: Đại học Sư phạm Vật lý
- Loại học phần: Bắt buộc
- Bộ môn phụ trách: Vật lý
- Giảng viên phụ trách chính: PGS. TS. Trần Ngọc
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: ThS. Trần Ngọc Bích  
TS. Nguyễn Thị Thanh Bình

2. **Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học xong các học phần đại cương và học phần lý luận dạy học vật lý, thiết kế hoạt động vật lý và phân tích chương trình vật lý phổ thông

### 3. Mục tiêu của học phần

- **Về kiến thức:** Học phần Thực hành giảng dạy bộ môn vật lý trang bị cho Sinh viên ngành sư phạm vật lý các nội dung và cấu trúc chương trình môn vật lý ở bậc THPT; Các phương pháp soạn giáo án, giảng dạy các loại tiết giảng (hình thành kiến thức mới, tiết bài tập, tiết tổng kết chương, tiết kiểm tra đánh giá...) trong chương trình Vật lý THPT; Hướng dẫn sinh viên thực hành giảng dạy một tiết lên lớp trong chương trình Vật lý THPT.
- **Về kỹ năng:** Sau khi học xong học Thực hành giảng dạy bộ môn vật lý:
  - Sinh viên phải có kỹ năng vận dụng các kiến thức về thiết kế bài dạy học, kết hợp các phương pháp dạy học tích cực trong quá trình dạy học để thiết kế giáo án hoạt động giảng dạy đáp ứng yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục PT.
  - Sinh viên phải có các kỹ năng dùng lời, kỹ năng sử dụng bảng, kỹ năng sử dụng bài tập, kỹ năng sử dụng thí nghiệm; kỹ năng sử dụng tranh ảnh hình vẽ; kỹ năng sử dụng hệ thống câu hỏi; kỹ năng lập hồ sơ tư liệu dạy học; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học;
- **Về thái độ:** Phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu nhằm không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp.

Có phương pháp nghiên cứu khoa học và bước đầu có khả năng tư duy sáng tạo trong công tác. Phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới.

#### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
	<b><i>Về kiến thức</i></b>
CDR 1	Vận dụng đường lối, chủ trương, chính sách của nhà nước vào các tình huống công tác cụ thể.. có đạo đức và lối sống mẫu mực của người giáo viên.
CDR 2	Có kiến thức vững vàng và chuyên sâu về vật lý; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên để phát triển kiến thức mới phục vụ cho việc dạy học vật lý ở trường phổ thông, có khả năng dạy tích hợp liên môn khoa học tự nhiên.
CDR 3	Nắm vững kỹ thuật, phương pháp dạy học vật lý, nội dung và cấu trúc chương trình môn vật lý; có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các tình huống công việc phức tạp; có khả năng lập và quản lý kế hoạch dạy học dựa trên kiến thức nội dung môn học, người học, cộng đồng và mục tiêu của chương trình.
CDR 4	Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về dạy học các khái niệm vật lý, đại lượng vật lý, định luật, thuyết vật lý cụ thể từ đó hình thành các kiến thức đại cương về vật lý cho học sinh ở bậc THPT.
	<b><i>Về kỹ năng</i></b>
CDR 5	Có khả năng áp dụng các thành tựu của khoa học công nghệ trong giáo dục; sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau để khuyến khích sự phát triển tư duy, giải quyết vấn đề và các kỹ năng của người học.
CDR 6	Vận dụng được các kiến thức đã học vào giảng dạy các kiến thức vật lý (các khái niệm, định luật, thuyết vật lý) nhằm phát huy năng lực cho học sinh THPT;
CDR 7	Có kỹ năng tiến hành các thí nghiệm vật lý, sử dụng thí nghiệm vật lý trong nghiên cứu, giảng dạy và học tập; hiểu biết cơ bản về các ứng dụng của vật lý trong đời sống và kỹ thuật.
CDR 8	Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.
CDR 9	Hiểu và sử dụng các phương pháp đánh giá khác nhau đảm bảo yêu cầu khách quan, công bằng, chính xác, toàn diện và phát triển năng lực tự đánh giá của người học; sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá để điều chỉnh quá trình dạy học.
	<b><i>Về thái độ</i></b>
CDR 10	Tích cực, chủ động, sáng tạo, Có tinh thần hợp tác, hỗ trợ để giải quyết vấn đề

## 5. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Rèn luyện một số kỹ năng cơ bản trong dạy học Vật lí: kỹ năng dùng lời, kỹ năng sử dụng bảng, kỹ năng sử dụng bài tập, kỹ năng sử dụng thí nghiệm; kỹ năng sử dụng tranh ảnh hình vẽ; kỹ năng sử dụng hệ thống câu hỏi; kỹ năng lập hồ sơ tư liệu dạy học; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học...; Sinh viên cần tập phong cách trình bày, diễn đạt, phân tích một vấn đề Vật lý để học sinh có thể hiểu được. Hướng dẫn sinh viên soạn thảo tiến trình dạy học Vật lý THPT với việc sử dụng công nghệ thông tin và phương tiện trực quan. Sinh viên thực hiện soạn thảo tiến trình dạy học Vật lý THPT và tiến hành thực hành giảng dạy bộ môn Vật lý THPT

## 6. Nội dung chi tiết học phần

### Chương 1. Rèn luyện một số kỹ năng trong dạy học bộ môn

- 1.1 Kỹ năng thuyết trình
- 1.2 Kỹ năng vấn đáp
- 1.3 Kỹ năng sử dụng bảng
- 1.4 Kỹ năng sử dụng thí nghiệm và các phương tiện trực quan
  - 1.4.1 Sử dụng thí nghiệm trong dạy học
  - 1.4.2 Sử dụng phương tiện trực quan trong dạy học
- 1.5 Một số kỹ năng khác

### Chương 2. Hướng dẫn giảng dạy bộ môn vật lý

- 1.1 Hướng dẫn thiết kế tiến trình bài dạy học
- 1.2 Hướng dẫn giảng dạy bộ môn Vật lý

### Chương 3. Thực hành giảng dạy bộ môn vật lý PT

- 3.1 Thực hành giảng dạy chương trình Vật lý 10
- 3.2 Thực hành giảng dạy chương trình Vật lý 11
- 3.3 Thực hành giảng dạy chương trình Vật lý 12

## 7. Hình thức giảng dạy và phân bổ thời gian

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					
		Tổng	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Khác
1	Rèn luyện một số kỹ năng trong dạy học bộ môn	10	6	0	2	2	
2	Hướng dẫn giảng dạy bộ môn vật lý	5	4	0	1	0	
3	Thực hành giảng dạy bộ môn vật lý PT	30	0	0	0	30	

## CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN (Dự kiến)

Chủ đề 1: Các kỹ năng dạy học

Chủ đề 2: Phương pháp thực hiện một tiết lên lớp  
**Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Nội dung (các chương) của học phần**

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10
1	x	x	x	x			x		x	
2		x	x	x	x		x		x	x
3		x	x	x	x	x	x	x	x	x

### 8. Phương pháp giảng dạy

- Giảng viên giới thiệu về nội dung học phần, đề cương chi tiết, tài liệu môn học, phương pháp kiểm tra và đánh giá khi bắt đầu học phần.
- Chia nhóm giao nhiệm vụ, tổ chức cho sinh viên thảo luận, thuyết trình. Đánh giá, nhận xét, tổng kết sau mỗi phần thảo luận.
- Sinh viên thực hành giảng dạy, giảng viên theo dõi, nhận xét sau mỗi tiết dạy.

### 9. Nhiệm vụ của sinh viên

Để hoàn thành học phần “Thực hành giảng dạy bộ môn Vật lí” thì sinh viên cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Sinh viên phải tích lũy khối kiến thức theo nội dung chương trình đã nêu, sinh viên phải nắm chắc lý thuyết và làm các bài tập môn học.
- Trên cơ sở bài giảng của giảng viên, sinh viên phải dự lớp đầy đủ theo quy định, đọc và nghiên cứu các tài liệu tham khảo khác để viết báo cáo, viết tiểu luận hoặc viết thu hoạch...theo những nội dung yêu cầu của giảng viên. Để tiếp thu kiến thức của một tín chỉ sinh viên phải dành thời gian ít nhất 30 giờ chuẩn bị ở nhà.

### 10. Tài liệu học tập

#### 10.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Nguyễn Đức Thâm (Chủ biên) (2003), *Phương pháp dạy học vật lí ở trường phổ thông*, NXB Đại học sư phạm.

[2] *Sách giáo khoa, sách giáo viên và chương trình Vật lí THPT đổi mới.*

#### 10.2. Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Đức Thâm, Nguyễn Ngọc Hưng, (2001), *Tổ chức hoạt động nhận thức cho học sinh trong dạy học vật lí ở trường phổ thông*, NXB Đại học quốc gia.

[2] Nguyễn Đức Thâm (Chủ biên), (2005), *Lí luận dạy học Vật lí 2*, NXB ĐHSP.

[3] Phạm Hữu Tòng, (2005), *Lí luận dạy học Vật lí 1*, NXB ĐHSP.

[4] Nguyễn Văn Đồng (Chủ biên), (1979), *Phương pháp giảng dạy vật lí ở trường phổ thông*, NXBGD, Hà Nội.

**11. Thang điểm đánh giá:** Sử dụng thang điểm 10 và thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục

và Đào tạo và Thông báo số 698 ngày 26/04/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng được mô tả ở bảng sau:

Nội dung	Chuyên cần, thái độ	Tự thực hành, soạn giáo án	Thi kết thúc học phần
Trọng số	5%	35%	60%

## 12. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên được thực hiện theo điều 22, 23 Quy chế 43 về đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Điểm học phần được xác định dựa trên kết quả học tập toàn diện của SV trong suốt học kỳ đối với học phần đó thông qua các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: Tinh thần thái độ trong lên lớp, thảo luận và kết quả của bài thu hoạch, kiểm tra thường xuyên, thi học phần.

Qui định các hình thức kiểm tra, thi:

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	<i>Chuyên cần, thái độ</i> - Tham gia trên lớp - Chuẩn bị bài tốt - Tích cực thảo luận	Quan sát, điểm danh	5%
2	<i>Kiểm tra thường xuyên</i> - Nội dung 1 - Nội dung 2	Chăm thực hành rèn luyện các kỹ năng Chăm giáo án và phương tiện dạy học của cá nhân chuẩn bị	35%
3	<i>Thi kết thúc học phần</i>	Thực hành dạy và vấn đáp	60%

### Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Hình thức đánh giá

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10
Chuyên cần thái độ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Kiểm tra thường xuyên		x	x		x	x	x		x	x

Thi kết thúc học phần		x	x	x	x	x	x	x	x	x
-----------------------------	--	---	---	---	---	---	---	---	---	---

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**PGS.TS. HOÀNG DƯƠNG HÙNG**